

Bản án số: 51/2022/HS-ST

Ngày: 27 - 10 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Hữu Như

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Hải

Bà Trần Thị Vân

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Vũ Hoàng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2022 tại hội trường Nhà văn hóa xóm L, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Tô Văn M**, tên gọi khác: Không. Sinh ngày 15/7/1987.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm H, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 02/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Tô Văn D, sinh năm 1946, con bà: Nguyễn Thị N, sinh năm 1950; Vợ, con chưa có; Gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ tám; Tiền sự: Không.

Tiền án: 01. Tại Bản án số 216 ngày 26/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, xử phạt 24 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 13/11/2021.

- Nhân thân:

+ Tại Bản án số 201 ngày 30/11/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt Tô Văn M 24 tháng tù giam về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

+ Tại Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 255 ngày 12/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Tô Văn M trong thời hạn 15 tháng. M chấp hành xong quyết

định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc ngày 30/01/2020.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/7/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1975/ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Trú tại: Xóm H, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi liên quan:

1. Bà Dương Thị H, sinh năm 1977/ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Trú tại: Xóm H, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Ông Lê Tuấn P, sinh năm 1980/ có đơn đề nghị xét xử vắng.

Trú tại: Tổ 1, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 16/6/2022, Tô Văn M đến nhà ông Dương Văn H1 (sinh năm 1980; trú tại: Xóm H, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) chơi. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, M ăn cơm tại nhà ông H1 cùng với ông H1 và ông Hoàng Văn Đ (sinh năm 1978; trú tại: Xóm H, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên), ông Hoàng Văn B (sinh năm 1975; trú tại: Xóm H, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) và bà Tô Thị M (sinh năm 1985; trú tại: Xóm H, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên). Đến khoảng 21 giờ, sau khi ăn cơm xong và đang ngồi uống nước, M thấy chiếc xe mô tô BKS: 20L6-8655, nhãn hiệu HONDA của ông B (xe do vợ của ông B là bà Dương Thị H đứng tên) đang để ở ngoài cổng nhà ông H1 nên đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt. M nói với ông B: “Anh ơi cho em về nhờ một đoạn” thì ông B đồng ý. Khoảng 20 phút sau, M đi ra vị trí để xe mô tô của ông B, M quay đầu xe ra ngoài đường rồi ngồi trên xe đợi sẵn, khi ông B ra xe, M nói với ông B: “Đưa chìa khóa em lái cho” để trực tiếp điều khiển xe mô tô và dễ dàng chiếm đoạt tài sản. M lái xe mô tô BKS: 20L6-8655 chở ông B ngồi đằng sau, ra khỏi nhà ông H1 khoảng 200 mét, do biết từ trước là đoạn đường phía trước trơn trượt, lầy lội, có nhiều rãnh lún sâu nên M đã cố tình điều khiển xe mô tô xuống khu vực rãnh sâu để xe mô tô dừng lại. M nói: “Anh xuống xe để em đi qua”, khi ông B xuống xe, M điều khiển xe mô tô vượt qua rãnh bùn rồi điều khiển xe mô tô bỏ đi, để lại ông B ở phía sau. M điều khiển xe mô tô về hướng thành phố T. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, M đi đến cửa hàng thu mua phế liệu của ông Lê Tuấn P (sinh năm 1980; trú tại: tổ 01, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên) tại tổ 10, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên để bán xe nhưng cửa hàng đã đóng cửa. M dựng xe và ngủ ở trước cửa cửa hàng. Khoảng 07 giờ ngày 17/6/2022, M tiếp tục đi tìm cửa hàng

để bán xe nhưng không thấy nên M quay lại cửa hàng của ông P, thấy cửa hàng đã mở cửa nên M đi vào để bán chiếc mô tô trên. M trình bày hoàn cảnh với ông P là làm nghề thợ xây nhưng bị chủ lừa không trả tiền công nên cần bán xe mô tô của mình để lấy tiền tiêu xài. Ông P có hỏi M về giấy tờ xe thì M nói không mang theo và đưa chứng minh nhân dân phôi của M cho ông P. Ông P kiểm tra thấy ảnh trong chứng minh nhân dân trùng khớp với khuôn mặt của M và thấy thông cảm cho hoàn cảnh của M nên đồng ý mua chiếc xe mô tô với giá 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Sau đó M đã sử dụng cá nhân hết số tiền trên.

Sau khi biết chiếc xe mô tô BKS: 20L6-8655 là tài sản do phạm tội mà có nên ông P đã tự nguyện giao nộp chiếc xe trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 30 ngày 13/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Đ kết luận xe mô tô BKS: 20L6-8655, nhãn hiệu HONDA, thời điểm định giá ngày 16/6/2022 có giá 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Vật chứng vụ án gồm:

+ 01 xe mô tô BKS: 20L6-8655, nhãn hiệu HONDA, màu sơn: xanh-đen, đã qua sử dụng cùng đăng ký của xe. Hiện cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Hoàng Văn B quản lý, sử dụng.

Phân dân sự: Ông Hoàng Văn B, bà Dương Thị H và ông Lê Tuấn P không yêu cầu Tô Văn M phải bồi thường thiệt hại.

Tại bản cáo trạng số 50/CT-VKSĐH, ngày 04/10/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Tô Văn M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Tô Văn M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Điều 38 BLHS. Đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/7/2022.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết vì người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Áp dụng Điều 47 BLHS, truy thu số tiền 750.000 đồng của bị cáo Tô Văn M thu lời bất chính do phạm tội mà có.

Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố. Trong phần tranh luận bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát, trong lời nói sau cùng bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 16/6/2022, tại khu vực đường dân sinh thuộc xóm H, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Tô Văn M đã lừa lấy chiếc xe mô tô BKS: 20L6-8655, nhãn hiệu HONDA, có trị giá 3.000.000đ (ba triệu đồng) của ông Hoàng Văn B sau đó bán được 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) rồi sử dụng cá nhân hết số tiền trên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Tô Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, biên bản định giá tài sản và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến niềm tin giữa người với người. Hội đồng xét xử nhận thấy việc Viện kiểm sát truy tố để xét xử đối với bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự như sau:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

[2]. Về hình phạt, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Tô Văn M từng phải đi tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân trở thành công dân tốt mà tiếp tục phạm tội, điều đó chứng tỏ bị cáo coi thường pháp luật, do đó khi lượng hình cần có một mức án nghiêm khắc, buộc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người lương thiện và đề răn đe, P ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách

nhệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy trong lượng hình, Hội đồng xét xử cũng đã xem xét giảm một phần hình phạt đối với bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 thì bị cáo có thể bị phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết vì người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Số tiền 750.000 đồng bị cáo thu lời bất chính từ việc bán chiếc xe của ông B do phạm tội mà có, cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước .

[4]. Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, ông Lê Tuấn P là người mua xe mô tô BKS: 20L6-8655, do không biết tài sản trên do M phạm tội mà có nên hành vi của ông P không cấu thành tội phạm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Tô Văn M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174 BLHS; điểm h, s khoản 1 Điều 51 BLHS; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Tô Văn M 30** (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày **13/7/2022**.

Áp dụng Điều 329 BLTTHS ra quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[2]. Áp dụng Điều 47 BLHS, buộc bị cáo Tô Văn M phải nộp lại số tiền **750.000 đồng** bị cáo thu lời bất chính do phạm tội mà có sung quỹ Nhà nước.

[3]. *Án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Tô Văn M phải nộp **200.000 đồng** án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên
- UBND xã V;
- Bị cáo, Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Hình sự .

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Hữu Nhường

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Hữu Nường

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên
- UBND xã V;
- Bị cáo, Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Hình sự .

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Hữu Như

